MỘT SỐ VẤN ĐỀ VỀ VIỆC THAM GIA BẢO HIỂM XÃ HỘI CỦA CÁC DOANH NGHIỆP Ở VIỆT NAM

MẠC VĂN TIẾN*

1. Tình hình chung:

Theo quy định của Luật Bảo hiểm xã hội (BHXH), trước năm 1995 mới chỉ có các doanh nghiệp nhà nước (DNNN) là đối tượng tham gia BHXH và họ phải đóng 100% BHXH cho người lao động. Từ năm 1995 , theo quy định của Bộ luật Lao động, các doanh nghiệp có sử dụng từ 10 lao động trở lên phải thực hiện BHXH theo loại hình bắt buộc. Bộ luật Lao động sửa đổi năm 2002 đã quy định mở rộng đối tượng phải thực hiện BHXH bắt buộc, đó là những doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức có sử dụng lao động làm việc theo hợp đồng lao động có thời hạn từ đủ 3 tháng trở lên và hợp đồng lao động không xác định thời hạn. Theo quy định này, các doanh nghiệp tham gia BHXH theo loại hình bắt buộc sẽ tăng lên rất nhiều. Tuy nhiên, qua thống kê cho thấy, tỷ lệ tham gia BHXH của các doanh nghiệp rất thấp, năm 2001 chỉ có gần 22% số doanh nghiệp thực hiện nghĩa vụ này và đến năm 2003 mới đạt tỷ lệ gần 30%. Còn trên 70% số doanh nghiệp hiện vẫn chưa tham gia đóng BHXH, trong số này chủ yếu là các doanh nghiệp ngoài nhà nước (DNNgNN)

Tình hình tham gia BHXH của các doanh nghiệp như sau:

---

* TS. Bộ LĐTB&XH.

Biểu 1: Số doanh nghiệp có đóng BHXH các năm từ 2001- 2003([1])

Năm	Tổng số DN	Số DN có tham gia BHXH	Tỷ lệ so sánh (%)
2001	51680	11285	21,84
2002	62908	13063	20,77
2003	72012	21359	29,66

Tỷ lệ tham gia BHXH thấp như vậy ảnh hưởng không nhỏ tới quy mô nguồn quỹ BHXH và ảnh hưởng trực tiếp đến quyền lợi của người lao động làm việc trong các doanh nghiệp.

2. Tình hình tham gia BHXH của các doanh nghiệp thuộc các khu vực/ thành phần kinh tế

Như đã nêu, các DNNN chấp hành nghĩa vụ tham gia BHXH nghiêm túc hơn so với các DNNgNN. Các doanh nghiệp ĐTNN cũng thực hiện khá tốt nghĩa vụ đóng góp BHXH cho người lao động. Năm 2001, ở khu vực này số doanh nghiệp tham gia BHXH chiếm trên 75% và đến năm 2003 đã tăng lên 87%. Trong số các DN ĐTNN này, số doanh nghiệp liên doanh với nước ngoài thực hiện nghĩa vụ BHXH tốt hơn so với các doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài (năm 2003 tỷ lệ tham gia BHXH của các DN liên doanh với nước ngoài đạt 89,64%, trong khi đó tỷ lệ này ở các doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài là 86,04%- nguồn đd). Mặc dù tỷ lệ tham gia BHXH của các DNNgNN đã tăng lên, nhưng còn rất thấp so với quy định của pháp luật BHXH.

Cho đến hiện nay, việc tạo nguồn cho quỹ BHXH (trong khoản đóng góp của doanh nghiệp) chủ yếu vẫn là từ sự đóng góp của các DNNN. Số DNNN có đóng BHXH chiếm trên 22% trong tổng số doanh nghiệp có đóng BHXH (năm 2003), trong khi đó tỷ trọng DNNN trong tổng số các DN ở Việt Nam đang có xu hướng giảm đi rất nhanh (năm 2001 chiếm 10,36%, năm 2003 chỉ còn 6,73%). Hơn nữa xét về mức đóng BHXH, năm 2003 các DNNN đóng tới 3036 tỷ VNĐ chiếm 57,33% trong tổng số đóng của các DN), trong khi đó các DNNgNN chỉ đóng được 773 tỷ VNĐ, chiếm 14,69% (nguồn đd). Đây là một sự không bình thường trong hoạt động BHXH ở Việt Nam, thể hiện sự không bình đẳng trong "sân chơi" BHXH giữa các doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế. Có thể thấy rõ tình trạng này qua đồ thị sau:

Đồ thị 1: Tổng số DN và số DN tham gia BHXH năm 2003

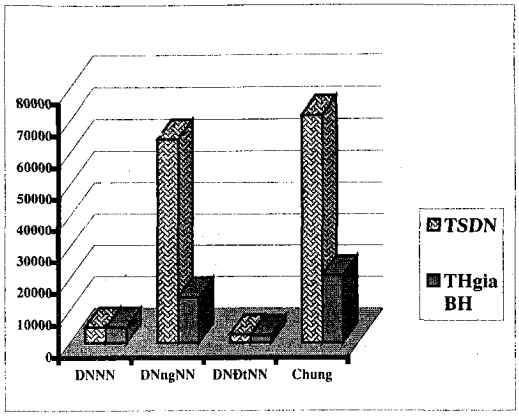

Đối với khu vực DNNgNN, nhìn chung tỷ lệ DN tham gia BHXH còn rất thấp (22% năm 2003). Tuy nhiên, trong số này, các công ty cổ phần có vốn nhà nước tham gia BHXH rất tích cực. Năm 2001 trong số 470 DNCP có vốn nhà nước, có 434 DN tham gia BHXH (chiếm 92,43%); đến năm 2003 trong số 669 DN thì có tới 621 DN tham gia BHXH (chiếm 92,83%). Trong khi đó tỷ lệ tham gia BHXH của các DNCP không có vốn nhà nước lại có xu hướng giảm đi, từ 40,71% năm 2001 xuống 32,12% năm 2003, trong khi số lượng các DN này tăng lên từ 1125 lên 3872 DN cùng thời kỳ. Đặc biệt các DN tư nhân tham gia BHXH rất ít. Có thể thấy rõ tình trạng tham gia BHXH của các DN ngoài nhà nước qua số liệu của biểu 2:

Biểu 2: Tình hình đóng BHXH của các DNNgNN các năm từ 2001-2003 chia theo loại hình.

Khu vực	2001	2002	2003
1- DN tập thể:			
-Tổng số DN	3646	4104	4150
-Số DN có tham gia BHXH	386	462	1171
-Tỷ lệ so sánh (%)	10,59	11,26	28,22
2- DN Tư nhân:			

-Tổng số DN	22777	24794	25653
- Số DN có tham gia BHXH	747	908	3536
- Tỷ lệ so sánh (%)	3,28	3,66	13,78
3- Công ty hợp doanh:			
- Tổng số DN	5	24	18
- Số DN có tham gia BHXH	1	4	7
- Tỷ lệ so sánh (%)	20,00	16,67	38,89
4- Cty TNHH			
- Tổng số DN	16291	23485	30164
- Số DN có tham gia BHXH	2623	3286	7590
- Tỷ lệ so sánh (%)	16,10	13,99	25,16
1- CTCP có vốn NN			
- Tổng số DN	470	558	669
- Số DN có tham gia BHXH	434	530	621
- Tỷ lệ so sánh (%)	92,34	94,98	92,83
2-CTCP không có vốn NN			
- Tổng số DN	1125	2272	3872
- Số DN có tham gia BHXH	458	693	1321
- Tỷ lệ so sánh (%)	40,71	30,50	34,12

Nguồn:đd

Qua số liệu trên cho thấy, mặc dù tỷ lệ tham gia BHXH còn thấp, nhưng xu hướng các DNNgNN tham gia BHXH đã ngày càng nhiều lên. Đây là kết quả của những cố gắng sửa đổi những điều chưa phù hợp của pháp luật BHXH (mở rộng đối tượng tham gia BHXH) và các biện pháp của các cơ quan thực thi chính sách BHXH nhằm buộc các doanh nghiệp phải thực hiện nghĩa vụ BHXH đối với người lao động. Có thấy rõ xu hướng này qua đồ thị sau:

Đồ thị 2: Xu hướng tham gia BHXH của các DNNgNN

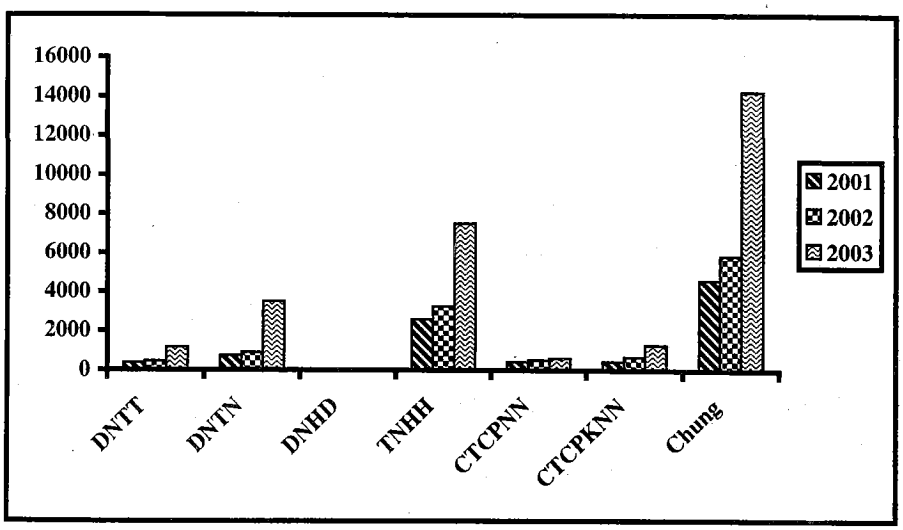

3. Tình hình tham gia BHXH của các doanh nghiệp thuộc các ngành sản xuất kinh doanh

Trong số các DN thuộc các lĩnh vực SXKD khác nhau của nền kinh tế, các DN trong lĩnh vực nông nghiệp và lâm nghiệp tham gia BHXH khá tích cực (trên 70% số DN tham gia BHXH); trong khi đó các DN trong lĩnh vực thủy sản lại tham gia rất ít (chỉ từ 4%-19%). Cũng chỉ có 1/3 số DN trong ngành công nghiệp khai thác mỏ tham gia BHXH cho người lao động. Đây là điều không bình thường, vì ngành khai thác mỏ là ngành có nhiều rủi ro nhất nhưng người lao động lại ít được bảo vệ từ BHXH. Năm 2003, trong số 1029 DN của ngành này thì chỉ có 335 DN có tham gia BHXH cho người lao động, chiếm 32,56% (nguồn đd).So với ngành công nghiệp khai thác, tỷ lệ tham gia BHXH của các DN trong ngành công nghiệp chế biến có cao hơn và có xu hướng tích cực qua các năm. Tỷ lệ tham gia BHXH của các DN trong một số ngành SXKD chính như sau:

Biểu 3: Tỷ lệ tham gia BHXH của các DN trong một số ngành SXKD chính các năm 2001- 2003

Đơn vị: %

Ngành SXKD	2001	2002	2003
1. Nông nghiệp và lâm nghiệp	82,97	77,78	72,95

2. Thủy sản	4,06	5,69	19,14
3. CN khai thác mỏ	31,55	25,48	32,56
4. Công nghiệp chế biến	35,71	34,98	42,14
5. SX& PP điện, khí đốt và nước	60,78	51,89	41,11
6. Xây dựng	26,37	22,45	28,77
7. Khách sạn và nhà hàng	17,84	16,04	23,73
8. Tài chính, tín dụng	22,65	29,15	70,97
9. Các HĐ dịch vụ TV	29,29	25,13	34,49

Nguồn: đd

4. Tiền lương và tỷ lệ đóng góp BHXH của các doanh nghiệp

Như trên đã nêu, theo quy định của pháp luật, người sử dụng lao động có nghĩa vụ đóng BHXH cho người lao động mà mình thuê mướn với tỷ lệ đóng góp kể cả BHYT là 17%, trong đó 10% cho chế độ dài hạn (hưu trí), 2% cho BHYT, còn lại là cho các chế độ bảo hiểm ngắn hạn. Tỷ lệ đóng góp này dựa trên cơ sở tổng quỹ tiền lương của DN. Qua thống kê cho thấy, do sản xuất kinh doanh phát triển theo hướng tích cực nên quỹ tiền lương của các DN cũng đã tăng lên. Năm 2001, tổng quỹ tiền lương của các DN là 41.633 tỷ VNĐ, nhưng đến năm 2003 quỹ này đã tăng lên 69.115 tỷ VNĐ (tăng lên 1,66 lần). Nhờ vậy, số tiền mà các DN đóng góp BHXH cũng đã tăng lên từ 3686 tỷ đồng lên 5295 tỷ đồng trong cùng thời gian (tăng 1,43 lần). Mặc dù vậy, tỷ lệ đóng góp BHXH bình quân của các DN so với quy định còn rất thấp. Năm 2001, tỷ lệ đóng góp BHXH của các DN chỉ đạt 8,58% so với tổng quỹ tiền lương, đến năm 2003 giảm xuống còn 7,66%. Như vậy, nếu thực hiện thu đúng, thu đủ thì quỹ BHXH sẽ tăng khả năng thanh toán lên rất nhiều.

Biểu đồ 3: Quỹ tiền lương và tỷ lệ đóng BHXH

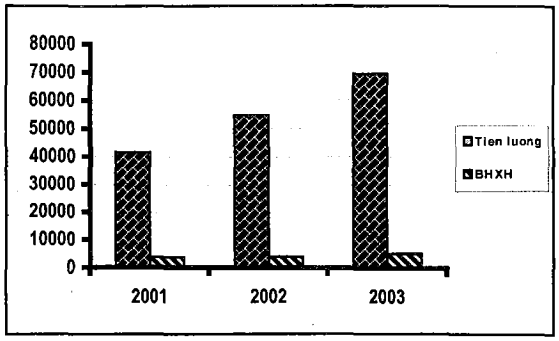

Các DN thuộc khu vực kinh tế nhà nước vẫn là những DN đóng góp cho quỹ BHXH nhiều nhất, mặc dù số lượng DNNN có xu hướng giảm đi. Năm 2001, tỷ lệ đóng góp BHXH của các DNNN chiếm 64,73% trong tổng số đóng góp BHXH của các DN (đạt 2386 tỷ VNĐ); năm 2003 tỷ lệ này có giảm đi, nhưng vẫn chiếm 57,33% và vẫn đạt 3036 tỷ VNĐ. Tuy nhiên so với tổng quỹ lương, tỷ lệ đóng góp BHXH của các DNNN cũng chỉ đạt 9% (năm 2001) và giảm xuống còn 7,75% vào năm 2003. Có thể thấy tỷ trọng đóng góp BHXH của các loại DN trong tổng đóng BHXH các năm như sau:

Đồ thị 4: Tỷ trọng đóng góp BHXH của các DN

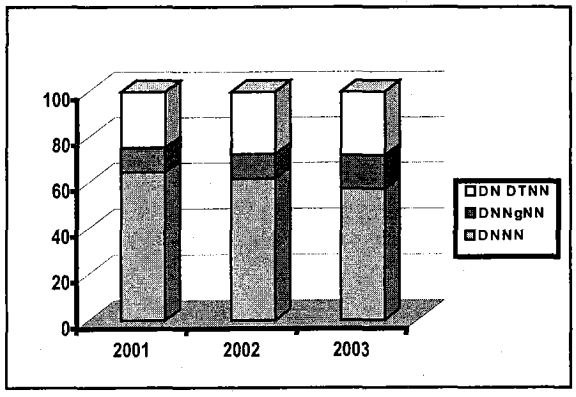

Các DN có vốn đầu tư nước ngoài, mặc dù tổng mức đóng góp còn thấp, năm 2003 mới chiếm tỷ trọng 28,06% trong tổng đóng góp BHXH của các DN, nhưng tỷ lệ đóng góp so với quỹ lương của các DN ở khu vực này lại cao nhất (năm 2001 đạt 10,61% và năm 2003 đạt 9,38%). Trong khi đó tỷ lệ đóng góp BHXH so với quỹ tiền lương của các DNNgNN chỉ đạt 6% và 5,47% trong cùng thời kỳ. Có thể thấy rõ điều này qua số liệu ở biểu sau:

Biểu 4: Quỹ lương và tỷ lệ đóng góp BHXH của các doanh nghiệp thuộc các khu vực kinh tế

(Nguồn đd)

Khu vực	2001	2002	2003
1. DNNN:			
-Tổng tiền lương	26513	33087	39160
-Tổng đóng góp BHXH	2389	2496	3036
-Tỷ lệ đóng góp BHXH (%)	9,00	7,54	7,75
2. DNNgNN:			
-Tổng tiền lương	6604	8923	14120
-Tổng đóng góp BHXH	396	430	773
-Tỷ lệ đóng góp BHXH (%)	6,00	4,82	5,47
3. DN ĐTNN:			
-Tổng tiền lương	8516	12728	15835
-Tổng đóng góp BHXH	904	1107	1486
-Tỷ lệ đóng góp BHXH (%)	10,61	8,69	9,38
Chung:			
-Tổng tiền lương	41533	54738	69115
-Tổng đóng góp BHXH	3686	4033	5295
-Tỷ lệ đóng góp BHXH (%)	8,85	7,37	7,66

Đối với các DNNgNN, tổng mức đóng góp có tăng lên (tăng 1,95 lần so với năm 2001), nhưng tỷ trọng trong tổng số đóng góp BHXH còn thấp và không đồng đều giữa các loại hình DN. Các công ty TNHH, công ty cổ phần đóng góp nhiều hơn so với các công ty tư nhân, các doanh nghiệp tập thể. Năm 2003, đóng góp BHXH của các công ty TNHH là 346 tỷ VNĐ (tăng 2,28 lần so với năm 2001), chiếm 6,53% trong tổng đóng góp của các doanh nghiệp cho quỹ BHXH. Đóng góp BHXH của các công ty cổ phần (bao gồm có vốn của Nhà nước và không có vốn của nhà nước) khá cao. Năm 2003 các công ty cổ phần có vốn Nhà nước đóng góp 230 tỷ VNĐ cho quỹ BHXH (tăng 2,09 lần so với năm 2001), chiếm 4,34% trong tổng đóng góp của các DN cho quỹ BHXH.. Tương tự đối với các công ty cổ phần không có vốn nhà nước, năm 2003, các

công ty này đã đóng góp 126 tỷ VNĐ cho quỹ BHXH (tăng 1,31 lần so với năm 2001), chiếm 2,38% trong tổng đóng góp của các DN cho quỹ BHXH. Tuy nhiên, xét về tỷ lệ đóng góp so với quỹ lương, thì tỷ lệ đóng góp của các Công ty TNHH rất thấp, chỉ đạt từ 4,09% (năm 2001) đến 4,39% năm 2003. Trong khi đó, tỷ lệ này ở công ty cổ phần có vốn nhà nước đạt từ 7,35% đến 8,75% và ở các công ty cổ phần không có vốn nhà nước đạt 14,46%(năm 2001) và 7,18% (năm 2003). Có thể thấy rõ tiền lương và mức đóng góp BHXH của các doanh nghiệp ngoài nhà nước quabiểu đồ sau:

Biểu đồ 5: Tiền lương và đóng BHXH của các DNNgNN năm 2003.

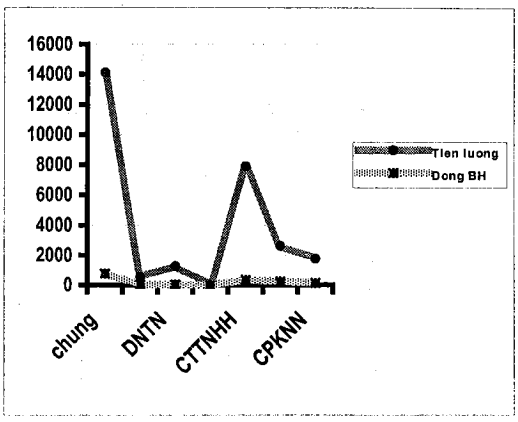

Xu thế về tỷ lệ đóng góp BHXH so với tổng quỹ lương của các DNNgNN các năm 2001-2003 như sau (Xem đồ thị 6)

Đối với khu vực DN có vốn đầu tư nước ngoài, như đã nêu, so với bình quân chung, tỷ lệ đóng góp BHXH của các DN ở khu vực này tương đối cao, nhất là các doanh nghiệp Việt Nam liên doanh với nước ngoài. Tỷ lệ đóng góp BHXH của các doanh nghiệp liên doanh này năm 2001 đạt 11,28% so với tổng quỹ lương và giảm xuống còn 9,81% vào năm 2003. Trong khi đó các tỷ lệ này ở các doanh nghiệp có 100% vốn nước ngoài là 10,20% và 9,17%.

Biểu đồ 6: Tỷ lệ đóng góp BHXH của các NDNgNN

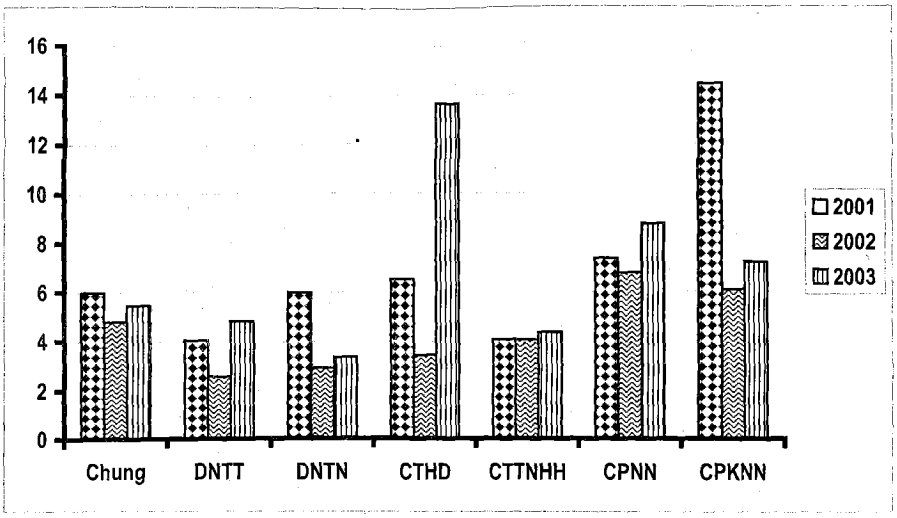

Qua điều tra của Viện Khoa học lao động (ILSSA), mức tiền lương bình quân làm căn cứ để đóng BHXH của người lao động trong các doanh nghiệp có vốn ĐTNN có xu hướng tăng lên: năm 2002 là 1,498 triệu VNĐ, năm 2003 là 1,629 triệu và 6 tháng đầu năm 2004 là 1,685 triệu đồng (*Điều tra doanh nghiệp có ĐTNN-ILSSA-MOLISA-2005).* Mức tiền lương làm căn cứ đóng BHXH này chỉ bằng 66%-76% so với mức tiền lương bình quân thực tế của người lao động trong các doanh nghiệp này. Đây cũng là một trong những vấn đề của hệ thống BHXH hiện nay: đóng BHXH theo tiền lương hợp đồng hoặc thang bảng lương chứ không theo tiền lương thực tế. Vì vậy, khi hưởng, người lao động cũng chỉ được hưởng dựa trên nền lương khi đóng. Do đó mức hưởng BHXH càng thấp hơn nhiều so với tiền lương thực tế trước khi hưởng BHXH.

5. Doanh nghiệp chưa/không tham gia BHXH

Xét trong tổng thể nền kinh tế, các doanh nghiệp Việt Nam có xu hướng tăng lên qua các năm; các DN tham gia BHXH cũng tăng lên, tuy nhiên tỷ lệ DN chưa tham gia BHXH còn rất cao. Năm 2003, số DN chưa tham gia BHXH là 50653 DN, chiếm 70,34% (năm 2002, tỷ lệ này là 79,23% và năm 2001 là 78,16%).

Theo các khu vực và thành phần kinh tế, tỷ lệ chưa/không tham gia BHXH của các DNNN thấp hơn nhiều so với các khu vực/thành phần kinh tế khác. Năm 2003, số DNNN chưa/không tham gia BHXH chỉ có 32 DN trong tổng số 4845 DNNN, chiếm 0,66%. Trong khi đó, số DNNgNN chưa/không tham gia BHXH trong năm này là 50280 DN, chiếm 77,92% tổng số DNNgNN và chiếm 99,26% trong tổng số DN. Nói cách khác các DN chưa/không tham gia BHXH chủ yếu là các DNNgNN. Tỷ lệ giảm ở các DNNgNN rất chậm. Nếu như ở các doanh nghiệp ĐTNN, tỷ lệ

chưa/không tham gia BHXH giảm xuống 50% từ năm 2001 đến năm 2003 thì ở các DNNgNN chỉ giảm được gần 12% (từ 89,51% xuống 77,92%). Điều này cho thấy hoặc pháp luật BHXH của Việt Nam còn có những vấn đề tồn tại hoặc việc thực thi pháp luật BHXH của các DN chưa tốt.

Lý do các DN chưa/không tham gia BHXH có nhiều, nhưng tập trung vào các nhóm chính sau:

- *Thứ nhất*, do quy định của Bộ luật lao động (năm 1995) và pháp luật BHXH có liên quan quy định chỉ các DN có sử dụng từ 10 lao động trở lên mới phải tham gia BHXH theo loại hình bắt buộc. Chỉ đến năm 2002, khi Bộ luật lao động sửa đổi thì mới có các quy định mở rộng đối tượng bắt buộc tham gia BHXH.

Theo như quy định trên, thì từ năm 2002 trở về trước, chỉ những DN có từ 10 lao động trở lên mới phải bắt buộc đóng BHXH cho người lao động. Năm 2003 có đến 46,56% số DN trong cả nước có sử dụng từ 9 lao động trở xuống (số liệu này của năm 2002 là 48,03% và năm 2001 là 49,97%- Tài liệu đd). Điều đó có nghĩa là gần 50% số DN chưa phải là đối tượng tham gia BHXH theo loại hình bắt buộc như quy định của Bộ luật Lao động năm 1995. Hiệu lực thi hành của Bộ luật lao động năm 2002 là từ đầu năm 2003, nhưng trên thực tế, đến nay các văn bản triển khai còn chưa cụ thể, nên sự tham gia đóng BHXH của các doanh nghiệp có dưới 10 lao động vẫn còn rất ít.

- *Thứ hai*, mặc dù có quy định là DN có sử dụng dưới 10 lao động phải thanh toán tiền BHXH vào tiền lương cho người lao động để họ tham gia BHXH theo loại hình tự nguyện hoặc tự lo BHXH. Tuy nhiên, do chưa có những quy định cụ thể về loại hình BHXH tự nguyện, nên hầu hết người lao động chưa được tham gia loại hình BHXH này.

- *Thứ ba*, việc thực hiện quy định của Nhà nước về BHXH của các DN chưa nghiêm túc nhưng chưa có chế tài đủ mạnh để buộc các doanh nghiệp này phải thực hiện nghĩa vụ của mình. Theo quy định về việc xử lý phạt các DN không thực hiện nghĩa vụ BHXH đối với người lao động, các DN không những phải nộp số tiền BHXH chưa nộp cộng với lãi suất của ngân hàng cho số tiền chậm nộp này; mà còn phải nộp một khoản tiền phạt. Về số tiền phạt, trước đây theo Nghị định 38/CP về xử phạt vi phạm hành chính, các doanh nghiệp chỉ phải nộp phạt không quá 3 triệu đồng/lần phạt và một năm không quá 2 lần phạt. Như vậy, nếu DN nào chậm nộp hoặc không nộp BHXH cũng chỉ bị phạt tối đa không quá 6 triệu đồng/năm. Điều này khuyến khích các DN nộp tiền phạt hơn là phải đóng BHXH. Ngày 2 tháng 1 năm 2003 Thủ tướng Chính phủ đã có Quyết định về việc đóng BHXH của các DN (QĐ 02/2003/QĐ-TTg), trong đó Điều 9 quy định: " Hàng tháng doanh nghiệp có trách nhiệm đóng BHXH cho người lao động ngay sau khi trả lương cho người lao động. Nếu chậm nộp BHXH 30 ngày so với quy định thì bị xử phạt theo quy định hiện hành" Tiếp theo tại Nghị định số 113/2004/NĐ-CP ngày 16 tháng 4 năm 2004 của Chính phủ quy định về xử phạt hành chính về vi phạm pháp luật lao động, tại

Điều 18 quy định các DN sau thời hạn phải nộp BHXH mà không nộp thì phải truy thu số tiền chậm nộp cộng với lãi suất ngân hàng cho khoảng thời gian chậm nộp BHXH. Tuy nhiên, những quy định trong các văn bản trên vẫn còn nhiều hạn chế: (1) mức phạt còn thấp (tối đa cũng chỉ mới 15 triệu đồng);(2) Nếu trong DN tái diễn nhiều lần không nộp hoặc chậm nộp BHXH cho người lao động thì xử lý như thế nào? Gần đây một số cơ quan BHXH địa phương đã đưa các DN ra tòa để xử lý, nhưng đây mới chỉ là hiện tượng cá biệt, chưa phải là phổ biến(**).

Chú thích

Bài đã đăng trên *Tạp chí Nghiên cứu kinh tế*, số 332/2006.

1. Nguồn: Thực trạng điều tra doanh nghiệp qua kết quả điều tra năm 2002, 2003, 2004. Nxb. Thống kê, năm 2005.

Tài liệu tham khảo

1. Điều tra doanh nghiệp có ĐTNN-ILSSA-MOLISA-2005.

2. Quyết định 02/2003/QĐ-Ttg, ngày 2 tháng 1 năm 2003 của Thủ tướng Chính phủ về việc đóng BHXH của các doanh nghiệp.

3. Nghị định số 113/2004/NĐ-CP ngày 16 tháng 4 năm 2004 của Chính phủ quy định về xử phạt hành chính về vi phạm pháp luật lao động.